

Bản án số: 92/2022/KDTM-ST

Ngày: 15-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng đại lý

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Đinh Tình Thanh Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Hải Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:** Mai Đức Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng đại lý” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1756/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2433/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty TNHH nước giải khát X

Địa chỉ: Số X đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:*

Ông Đào Đình C, bà Huỳnh Thị Bích P, cùng trú tại: Số X đường số 3, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 04/8/2020).

Ông C, bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y

Địa chỉ: Số X đường Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:*

Ông Võ Trường G, trú tại: Số X đường Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật của Bị đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y).

Bị đơn vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 8 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Công ty TNHH nước giải khát X- Có ông Đào Đình C- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y (Gọi tắt là Công ty Y) và Công ty TNHH nước giải khát X (Gọi tắt là SPVB) có quan hệ hợp tác kinh doanh với nhau nhiều năm.

Công ty Y làm nhà phân phối sản phẩm nước giải khát cho SPVB theo hợp đồng đại lý. Tùy từng giai đoạn mà hai bên ký kết hợp đồng thời hạn 01 năm, 02 năm hoặc 05 năm. Trước khi ký hợp đồng số LDMS.121.2018.0202 ngày 21/12/2018, hai bên đã ký hợp đồng số 1040.2014.0018-NPP ngày 19/11/2013 với thời hạn 05 năm (từ 01/01/2014 đến 31/12/2018).

Hai bên ký hợp đồng số LDMS.121.2018.0202 ngày 21/12/2018, có thời hạn 01 năm (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019). Sau đây gọi là “Hợp đồng đại lý”, và các phụ lục đính kèm. Theo Hợp đồng đại lý, Công ty Y sẽ là nhà phân phối các loại sản phẩm nước giải khát của SPVB. SPVB bán hàng cho Công ty Y theo hình thức mua trả chậm và cho mượn vỏ két, pallet... (bao bì). Hạn mức trả chậm, thời gian trả chậm tùy vào hiệu quả kinh doanh của Công ty Y phù hợp với chính sách bán hàng trả chậm của SPVB và được SPVB thông báo cho từng nhà phân phối trong từng thời kỳ.

Hợp đồng đại lý đã được chấm dứt từ ngày 30/6/2019 do Công ty Y trong 03 tháng liên tục thực hiện tiêu thụ thấp hơn 90% sản lượng cam kết. Căn cứ theo thỏa thuận tại Điều 9.3 Hợp đồng đại lý, SPVB đã ra thông báo chấm dứt Hợp đồng đại lý với Công ty Y.

Đến nay, thời hạn thanh toán nợ tiền hàng và hoàn trả vỏ két đã qua rất lâu nhưng Công ty Y vẫn không thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

1. Về công nợ tiền hàng:

Tổng số hóa đơn chưa thanh toán là 75 hóa đơn (đơn hàng) tương ứng với số tiền 1.382.478.616 đ (Một tỉ ba trăm tám mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

2. Tổng số bao bì (vỏ chai, két nhựa, pallet) theo các đơn hàng này:

- + Vỏ chai: 8.664 cái;
- + Két nhựa: 361 cái;
- + Pallet: 225 cái.

Danh mục hóa đơn chưa thanh toán:

STT	SỐ HÓA ĐƠN	NGÀY HÓA ĐƠN	NGÀY ĐẾN HẠN THANH TOÁN	SỐ TIỀN (VND)	VỎ CHAI	KẾT NHỰA	PALLET	QUY THÀNH TIỀN
1	0390113	5/29/2019	6/8/2019	25.578.001	-		3	900.000
2	0390114	5/29/2019	6/8/2019	18.934.000	984	41	3	4.508.000
3	0390115	5/29/2019	6/8/2019	25.954.608	-		3	900.000
4	0390343	5/29/2019	6/8/2019	13.680.000	-		3	900.000
5	0390344	5/29/2019	6/8/2019	13.680.000	-		3	900.000
6	0390345	5/29/2019	6/8/2019	13.680.000	-		3	900.000
7	0390346	5/29/2019	6/8/2019	13.680.000	-		3	900.000
8	0390347	5/29/2019	6/8/2019	13.680.000	-		3	900.000
9	0390348	5/29/2019	6/8/2019	13.680.000	-		3	900.000
10	0391698	5/30/2019	6/9/2019	13.680.000	-		3	900.000
11	0391699	5/30/2019	6/9/2019	13.680.000	-		3	900.000
12	0391700	5/30/2019	6/9/2019	12.824.000	960	40	3	4.420.000
13	0391701	5/30/2019	6/9/2019	16.434.000	-		3	900.000
14	0391702	5/30/2019	6/9/2019	26.518.000	-		3	900.000
15	0391703	5/30/2019	6/9/2019	17.640.000	-		3	900.000
16	0392770	5/31/2019	6/10/2019	7.578.000	1.920	80	3	7.940.000
17	0392867	5/31/2019	6/10/2019	13.810.001	-		3	900.000
18	0393668	6/1/2019	6/11/2019	13.680.000	-		3	900.000
19	0393669	6/1/2019	6/11/2019	13.680.000	-		3	900.000
20	0393670	6/1/2019	6/11/2019	28.260.000	-		3	900.000
21	0393671	6/1/2019	6/11/2019	10.458.000	-		3	900.000
22	0393672	6/1/2019	6/11/2019	6.864.000	-		3	900.000
23	0393737	6/1/2019	6/11/2019	27.737.999	-		3	900.000
24	0393738	6/1/2019	6/11/2019	22.317.000	-		3	900.000
25	0393893	6/1/2019	6/11/2019	17.601.999	-		3	900.000
26	0394552	6/3/2019	6/13/2019	10.296.000	-		3	900.000
27	0394553	6/3/2019	6/13/2019	13.680.000	-		3	900.000

28	0394554	6/3/2019	6/13/2019	13.680.000	-		3	900.000
29	0394619	6/3/2019	6/13/2019	34.043.999	-		3	900.000
30	0394620	6/3/2019	6/13/2019	33.312.000	-		3	900.000
31	0394621	6/3/2019	6/13/2019	31.850.000	960	40	3	4.420.000
32	0394705	6/3/2019	6/13/2019	10.296.000	-		3	900.000
33	0394707	6/3/2019	6/13/2019	9.672.001	-		3	900.000
34	0395122	6/4/2019	6/14/2019	10.296.000	-		3	900.000
35	0395135	6/4/2019	6/14/2019	39.078.001	-		3	900.000
36	0395417	6/4/2019	6/14/2019	11.760.001	1.920	80	3	7.940.000
37	0395418	6/4/2019	6/14/2019	39.078.001	-		3	900.000
38	0395419	6/4/2019	6/14/2019	39.078.001	-		3	900.000
39	0395420	6/4/2019	6/14/2019	39.078.001	-		3	900.000
40	0395421	6/4/2019	6/14/2019	39.078.001	-		3	900.000
41	0395422	6/4/2019	6/14/2019	39.078.001	-		3	900.000
42	0395423	6/4/2019	6/14/2019	7.668.000	-		3	900.000
43	0395424	6/4/2019	6/14/2019	13.680.000	-		3	900.000
44	0395425	6/4/2019	6/14/2019	13.680.000	-		3	900.000
45	0395448	6/4/2019	6/14/2019	10.296.000	-		3	900.000
46	0395449	6/4/2019	6/14/2019	10.296.000	-		3	900.000
47	0395450	6/4/2019	6/14/2019	13.680.000	-		3	900.000
48	0395594	6/4/2019	6/14/2019	7.668.000	-		3	900.000
49	0395595	6/4/2019	6/14/2019	13.680.000	-		3	900.000
50	0395596	6/4/2019	6/14/2019	13.680.000	-		3	900.000
51	0395597	6/4/2019	6/14/2019	13.680.000	-		3	900.000
52	0396329	6/5/2019	6/15/2019	13.680.000	-		3	900.000
53	0396439	6/5/2019	6/15/2019	12.996.001	-		3	900.000
54	0396441	6/5/2019	6/15/2019	10.296.000	-		3	900.000
55	0396442	6/5/2019	6/15/2019	13.680.000	-		3	900.000
56	0396642	6/5/2019	6/15/2019	13.680.000	-		3	900.000
57	0396643	6/5/2019	6/15/2019	13.680.000	-		3	900.000
58	0396644	6/5/2019	6/15/2019				3	

				13.680.000	-			900.000
59	0396718	6/5/2019	6/15/2019	13.680.000	-		3	900.000
60	0396849	6/5/2019	6/15/2019	30.616.000	-		3	900.000
61	0396850	6/5/2019	6/15/2019	30.760.000	-		3	900.000
62	0396851	6/5/2019	6/15/2019	21.680.000	-		3	900.000
63	0398874	6/8/2019	6/18/2019	32.708.000	-		3	900.000
64	0398875	6/8/2019	6/18/2019	11.676.000	-		3	900.000
65	0398922	6/8/2019	6/18/2019	10.800.000	-		3	900.000
66	0398923	6/8/2019	6/18/2019	13.680.000	-		3	900.000
67	0398924	6/8/2019	6/18/2019	13.680.000	-		3	900.000
68	0399906	6/10/2019	6/20/2019	19.800.000	-		3	900.000
69	0399907	6/10/2019	6/20/2019	24.963.000	-		3	900.000
70	0399908	6/10/2019	6/20/2019	16.920.000	-		3	900.000
71	0399909	6/10/2019	6/20/2019	34.048.000	960	40	3	4.420.000
72	0400053	6/10/2019	6/20/2019	13.680.000	-		3	900.000
73	0400054	6/10/2019	6/20/2019	13.680.000	-		3	900.000
74	0400055	6/10/2019	6/20/2019	17.768.000	960	40	3	4.420.000
75	0400056	6/10/2019	6/20/2019	23.976.000	-		3	900.000
	<b>TỔNG</b>			<b>1.382.478.616</b>	<b>8.664</b>	<b>361</b>	<b>225</b>	<b>99.268.000</b>

Tất cả các đơn hàng này đều có phiếu xuất kho kèm biên bản giao nhận đính kèm. Đối với vỏ két, theo quy định trong hợp đồng đại lý thì trong vòng 02 tháng kể từ ngày hợp đồng chấm dứt, Nhà phân phối phải hoàn trả toàn bộ số vỏ két đã mượn cho SPVB. Tuy nhiên, đến nay đã hơn 02 năm trôi qua mà Công ty Y vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Theo quy định tại Điều 5 Phụ lục bán hàng trả chậm và cho mượn vỏ két thì các bên thỏa thuận giá trị bồi thường vật chất khi không hoàn trả được tài sản mượn như sau: Vỏ chai: 2.500 đồng/cái; Két nhựa: 28.000 đồng/cái; Pallet: 300.000 đồng/cái.

Như vậy, tổng số công nợ tính đến thời điểm hiện tại như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
-----	-----------	----------	---------	------------

1	Tiền hàng			1.382.478.616đ
2	Nợ vỡ chai	8.664	2.500đ /chai	21.660.000đ
3	Nợ Két nhựa	361	28.000đ /két	10.108.000đ
4	Nợ Pallet	225	300.000đ /cái	67.500.000đ
<b>TỔNG:</b>				<b>1.481.746.616đ</b>

Nay, SPVB yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Y thanh toán ngay cho SPVB số tiền hàng còn nợ là: 1.382.478.616 đ (Một tỉ ba trăm tám mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười sáu đồng);

- Buộc Công ty Y bồi thường cho SPVB do không hoàn trả được tài sản mượn (bao bì theo 75 đơn hàng) số tiền 99.268.000 đ (Chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tổng số tiền yêu cầu thanh toán ngay là 1.481.746.616 đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi một triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

\* *Đối với Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y (Gọi tắt là Công ty Y):*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Công ty Y và người đại diện theo pháp luật của Công ty Y theo quy định pháp luật nhưng Bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn...

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Ngày 21/12/2018, Công ty TNHH nước giải khát X (Gọi tắt là SPVB) và Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y (Gọi tắt là Công ty Y) ký kết Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: LDMS.121.2018.0202, thời hạn 01 năm (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)- Gọi tắt là “Hợp đồng đại lý”- và các phụ lục đính kèm. Theo Hợp đồng đại lý, Công ty Y sẽ là nhà phân phối các loại sản phẩm nước giải khát của SPVB. SPVB bán hàng cho Công ty Y theo hình thức mua trả chậm và cho mượn vỏ két, pallet... (bao bì). Hạn mức trả chậm, thời gian trả chậm tùy vào hiệu quả kinh doanh của Công ty Y phù hợp với chính sách bán hàng trả chậm của SPVB và được SPVB thông báo cho từng nhà phân phối trong từng thời kỳ. Do Công ty Y không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Trong Hợp đồng đại lý các bên thỏa thuận về việc chọn Tòa án nơi có trụ sở của Nguyên đơn để giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn là Công ty TNHH nước giải khát X, có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Công ty Y được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Y.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền hàng còn nợ là 1.382.478.616 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, có đủ cơ sở xác định:

Trước khi ký hợp đồng đại lý và các phụ lục đính kèm, hai bên đã ký hợp đồng số: 1040.2014.0018-NPP ngày 19/11/2013 với thời hạn 05 năm (từ 01/01/2014 đến 31/12/2018). Theo Hợp đồng đại lý, Công ty Y sẽ là nhà phân phối các loại sản phẩm nước giải khát của SPVB. SPVB bán hàng cho Công ty Y theo hình thức mua trả chậm và cho mượn vỏ két, pallet... (bao bì). Hạn mức trả chậm, thời gian trả chậm tùy vào hiệu quả kinh doanh của Công ty Y phù hợp với chính sách bán hàng trả chậm của SPVB và được SPVB thông báo cho từng nhà phân phối trong từng thời kỳ.

Do Công ty Y trong 03 tháng liên tục thực hiện tiêu thụ thấp hơn 90% sản lượng cam kết. Căn cứ theo thỏa thuận tại Điều 9.3 của Hợp đồng đại lý, SPVB đã ra thông báo chấm dứt Hợp đồng đại lý, theo đó Nguyên đơn xác định Hợp đồng đại lý đã được chấm dứt từ ngày 30/6/2019 và đòi số tiền hàng còn nợ là 1.382.478.616 đồng là có cơ sở, phù hợp thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng đại lý.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty Y, nhưng Công ty Y không đến Tòa để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; do đó, yêu cầu của SPVB đòi Công ty Y trả số tiền hàng còn nợ 1.382.478.616 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn phải bồi thường do không hoàn trả được tài sản mượn (bao bì) theo 75 đơn hàng với số tiền 99.268.000 đ (Chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo thỏa thuận của các bên và các biên bản bàn giao có cơ sở xác định Công ty Y đã không hoàn trả được tổng số bao bì (bao gồm vỏ chai, kết nhựa, pallet) cho SPVB theo 75 đơn hàng được liệt kê tại danh mục hóa đơn chưa thanh toán sau 02 tháng kể từ ngày hợp đồng chấm dứt.

Theo quy định tại Điều 5 của Phụ lục bán hàng trả chậm và cho mượn vỏ kết thì các bên thỏa thuận giá trị bồi thường vật chất khi không hoàn trả được tài sản mượn như sau: Vỏ chai: 2.500 đồng/cái; Kết nhựa: 28.000 đồng/cái; Pallet: 300.000 đồng/cái.

Do đó, SPVB yêu cầu Công ty Y phải bồi thường số tiền 99.268.000 đồng do Công ty Y không hoàn trả được tài sản mượn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Trong vụ án này, Công ty Y không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của Nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

SPVB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu của SPVB được Tòa án chấp nhận.

Công ty Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, 167, 168, 169, 292, 302, 303 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.**

Buộc Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y phải trả ngay cho Công ty TNHH nước giải khát X tổng số tiền 1.481.746.616 đ (Một tỉ bốn trăm tám mươi một triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm mười sáu đồng) theo Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: LDMS.121.2018.0202 ngày 21/12/2018 và các phụ lục đính kèm.

Kể từ ngày Công ty TNHH nước giải khát X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.452.398 đ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

Công ty TNHH nước giải khát X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH nước giải khát X 32.503.247 đ (Ba mươi hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0029752 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật

Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Tĩnh**